

Bản án số: 43/2024/HS - ST
Ngày: 29/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lý và ông Chu Quang Cường.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị Duyên - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:** Bà Đào Giang Lệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HS ngày 09/8/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 01/01/1966, tại thị xã H, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: khối Á, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: 6/12; Họ và tên C: Nguyễn Duy T; đã chết; Họ và tên mẹ: Phan Thị C1; đã chết; Chồng: Hoàng Văn M; sinh năm 1964; Con: có 02 con, con lớn (đã chết), nhỏ sinh năm 1988; Tiền sự, tiền án: không; Bị cáo bị tạm giữ từ 23/02/2024 đến 03/3/2024, thì bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Thị V, sinh năm 1976; có mặt.

Địa chỉ: Khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Chị Phan Thị Đ, sinh năm 1988; có mặt.

Địa chỉ: Khối Q, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Từ tháng 12/2020 đến 23/02/2024, Nguyễn Thị H đã cho một số người trên địa bàn phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An vay tiền với lãi suất cao hơn gấp 5 lần so với quy định của Bộ luật dân sự nhằm thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

Đối với hành vi cho chị Lê Thị V, sinh năm 1976, trú tại khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An vay tiền:

Vào ngày 05/12/2020, chị Lê Thị V đến vay Nguyễn Thị H 50.000.000 đồng, H đồng ý cho vay với lãi suất 1.500 đồng/1 triệu/ 1 ngày tương đương mức lãi suất 54,75%/năm với hạn trả cả gốc và lãi là sau một tháng. Nguyễn Thị H và chị V lập hợp đồng cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp gồm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N703736 mang tên Lê Văn B và số N703735 mang tên

Lê Thị V với nội dung nợ gốc và lãi như thỏa thuận. Tuy nhiên đến thời hạn trả chị V vẫn chưa có đủ tiền nên xin gia hạn hợp đồng và H đồng ý cho chị V tiếp tục nợ đến khi nào có tiền gốc thì trả, tiền lãi thì tính theo hợp đồng cũ. Vào ngày 14/01/2021, chị Lê Thị V tiếp tục đến vay 50.000.000 đồng, H đồng ý cho vay với lãi suất 2.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày tương đương với mức lãi suất 73%/năm với hạn trả cả gốc và lãi là sau một tháng. Tuy nhiên đến thời hạn trả chị V vẫn chưa có đủ tiền nên xin gia hạn hợp đồng và H đồng ý cho chị V tiếp tục nợ đến khi nào có tiền gốc thì trả, tiền lãi thì tính theo hợp đồng này. Đến ngày 11/12/2021, chị V đến nhà H để tính toán tiền lãi. Nguyễn Thị H và chị V thống nhất gộp hai khoản vay trên thành một khoản với số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất thỏa thuận cho khoản vay này từ ngày 11/12/2021 trở đi là 3000 đồng 1 triệu/ 1 ngày do chị V chậm thanh toán các khoản nợ trước. Chị V vẫn nợ các khoản lãi của hai khoản vay trước đó và hẹn trả bà H sau. Đồng thời, vào ngày 11/12/2021, chị V gửi cho bà H 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) tiền lãi của khoản tiền vay 100.000.000 đồng trên để sau này sẽ tính vào tiền lãi theo lãi suất đã thỏa thuận. Nguyễn Thị H đã viết giấy biên nhận và đưa lại giấy cho chị V giữ để sau này sẽ tính toán. Sau đó, chị V đã trả lãi của khoản vay 100.000.000 đồng cho H qua ông Hoàng Văn M (chồng của H) vào các ngày 10/01/2022, 17/02/2022, 12/4/2022, 13/6/2022, 03/12/2022 với tổng số tiền là 65.000.000 đồng. Khi nhận tiền, ông M chỉ biết tiền đó là chị V trả tiền lãi cho Nguyễn Thị H và không biết gì về nội dung thỏa thuận giữa Nguyễn Thị H và chị V. Tổng cộng Nguyễn Thị H đã nhận được của chị V 80.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 100.000.000 đồng ngày 11/12/2021. Số tiền lãi còn lại chị V chưa trả cho Nguyễn Thị H.

Như vậy, tính từ ngày 11/12/2021 đến ngày 23/02/2024 là 804 ngày chị V đã vay của Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất là 3000 đồng/triệu/ngày tương đương với lãi suất 109,5%/năm, cao gấp 5,475 lần quy định cho phép, số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận là 241.200.000 đồng. Chị V đã trả 80.000.000 đồng tiền lãi và còn nợ 100.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền lãi bà H được phép nhận theo quy định của Bộ luật dân sự cao nhất là 20%/năm tương đương với số tiền 44.054.795 đồng tính từ ngày 11/12/2021 đến ngày 22/02/2024 là 804 ngày cho khoản vay 100.000.000 đồng. Do đó, Nguyễn Thị H đã thu lợi bất chính của chị V số tiền là 197.145.205 đồng.

Đối với hành vi cho chị Phan Thị Đ, sinh năm 1988, trú tại khối Q, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An vay tiền:

Ngày 23/10/2022, chị Phan Thị Đ đến nhà Nguyễn Thị H vay nợ với số tiền 50.000.000 đồng để giải quyết công việc cá nhân. Nguyễn Thị H ghi hợp đồng cầm cố với nội dung cầm cố mảnh đất có số bìa là DC881781 mang tên Phan Thị Đ và Nguyễn Ngọc H1 với lãi suất 150.000 đồng/50 triệu/1ngày có nghĩa là 3000 đồng/1triệu/1ngày tương đương với lãi suất 109,5%/năm. Theo thỏa thuận thì hạn trả là đến ngày 23/11/2022 nhưng chị Đ chưa trả tiền gốc và xin gia hạn khoản vay, Nguyễn Thị H thống nhất với chị Đ cho tiếp tục thực hiện hợp đồng vay trên với gốc và lãi như cũ, khi nào chị Đ có tiền lãi thì đến trả dần. Từ ngày 23/10/2022 đến ngày 22/02/2024, chị Đ chưa trả tiền gốc trên cho bà H, chị Đ đã trả tiền lãi cho bà H nhiều lần với tổng số tiền 10.500.000 đồng.

Tính theo thỏa thuận thì từ ngày 23/10/2022 đến ngày 22/02/2024 là 488 ngày, chị Đ phải trả tổng số tiền lãi cho bà H là 73.200.000 đồng. Chị Đ đã trả tiền lãi là 10.500.000 đồng và đang nợ số tiền gốc 50.000.000 đồng. Số tiền lãi bà H

được phép nhận theo quy định của Bộ luật dân sự cao nhất là 20%/năm tương đương với số tiền là 13.369.863 đồng tính từ ngày 23/10/2022 đến ngày 22/02/2024 là 488 ngày cho khoản vay 50.000.000 đồng vào ngày 23/10/2022. Do đó, số tiền Nguyễn Thị H thu lợi bất chính của chị Đ đối với khoản vay trên là 59.830.137 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Thị H thông qua việc cho chị V và chị Đ vay tiền là $197.145.205 + 59.830.137 = 256.975.342$ đồng. Số tiền thu được của chị V và chị Đ, H đã dùng cho việc tiêu dùng cá nhân.

Ngày 23/02/2024, chị Lê Thị V có đơn trình báo về hành vi cho vay nặng lãi của H và giao nộp tài liệu chứng cứ. Ngày 23/02/2024, Cơ quan CSĐT Công an thị xã H đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thị H về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đồng thời đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị H. Thu giữ của Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra 5G, màu H2; 01 Hợp đồng cầm cố ngày 13/12/2021, 01 tờ giấy A4; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 819064; 02 hợp đồng cầm cố mang tên Lê Thị V; 01 hợp đồng cầm cố mang tên Phan Thị Đ; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Thị Đ và Nguyễn Ngọc H1; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lương Văn B1; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị V, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC634371.

Tại Bản cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 22 tháng 7 năm 2024, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai đã truy tố Nguyễn Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H phạt tiền từ 300 triệu đồng đến 350 triệu đồng.

Vật chứng vụ án:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra 5G, màu H2; 01 Hợp đồng cầm cố ngày 13/12/2021; 01 tờ giấy A4; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 819064 mang tên Hồ Sỹ T1 và bà Bùi Thị Đ1; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC634371 mang tên ông Hồ Sỹ T1 và bà Bùi Thị Đ1 thu giữ của Nguyễn Thị H. Qua điều tra, chiếc điện thoại, tài liệu đã thu giữ không liên quan đến vụ án, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã trả lại cho Nguyễn Thị H.

- Đối với tài liệu: 01 hóa đơn thanh toán tiền mặt ngày 10/01/2022, 01 hóa đơn thanh toán tiền mặt ngày 17/02/2022, 01 hợp đồng cầm cố mặt sau nghi nhận 8.000.000 đồng ngày 12/4/2022, 01 hợp đồng cầm cố mặt sau nghi nhận 20.000.000 đồng ngày 13/6/2022, 01 hóa đơn thanh toán tiền mặt ngày 03/12/2022 được thu giữ của chị Lê Thị V, đang được lưu trữ kèm theo hồ sơ. Tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

- Đối với tài liệu 01 giấy trả tiền lời ngày 05/02/2024 thu giữ của chị Phan Thị Đ đang được lưu trữ kèm theo hồ sơ. Tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

Đối với 02 hợp đồng cầm cố mang tên Lê Thị V, 01 hợp đồng cầm cố mang tên Phan Thị Đ cần tiếp tục lưu trữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Trả lại cho chị Phan Thị Đ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Thị Đ và Nguyễn Ngọc H1. Trả lại cho chị Lê Thị V 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lương Văn B1, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị V thu giữ của Nguyễn Thị H, đang được lưu trữ kèm theo hồ sơ.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền bị cáo đã tự nguyện nộp trước tiền truy thu là 16.800.000đ theo biên lai thu tiền số 0009160 ngày 22/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai.

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Lê Thị V số tiền 35.945.205đ (Ba mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng).

Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính 37.754.795đ (Ba mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền của bà Lê Thị V tiền gốc chưa trả là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền của bà Phan Thị Đ tiền gốc chưa trả là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Đối với ông Hoàng Văn M, chồng của Nguyễn Thị H có nhiều lần nhận tiền lãi cho H, tuy nhiên điều tra xác minh ông M không biết nội dung cụ thể liên quan đến việc cho vay giữa H với người khác nên ông M không phạm tội.

Ngoài ra, vào ngày 23/02/2024 Cơ quan CSĐT Công an thị xã H tiếp nhận đơn tố cáo của ông Hồ Sỹ T1, sinh năm 1963, trú tại thôn G, xã Q, thị xã H, Nghệ An đối với các hành vi của H thông quan khoản vay ngày 30/5/2021 lãi 3%/tháng và hợp đồng vay ngày 31/12/2021 lãi 2.000đồng/ 1 triệu/1 ngày. Tuy nhiên, qua xác minh tại Hợp đồng cầm đồ ngày 30/5/2021 và Hợp đồng cầm đồ ngày 13/12/2021 và khoản vay nóng 100.000.000 đồng mà Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập được thể hiện nội dung Nguyễn Thị H cho ông Hồ Sỹ T1 vay tiền, lãi suất H cho ông T1 vay lần lượt là: 36%/năm, 73%/năm. Mức lãi suất này là chưa vượt gấp 05 lần lãi suất tối đa cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm). Vì vậy hành vi trên của Nguyễn Thị H không cấu thành tội phạm.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà bị cáo nhất trí về tội danh cũng như mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Lời nói sau cùng bị cáo xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với đơn đề nghị của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu chứng cứ khác có

tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Từ đó đã xác định được: Vào khoảng từ tháng 12/2020 đến 23/02/2024, tại phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Thị H đã thực hiện hành vi cho chị Lê Thị V và chị Phan Thị Đ vay tiền với lãi suất cho vay 3.000đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 109,5%/ năm cao gấp 5,475 lần so với mức lãi suất cho phép tối đa theo quy định của pháp luật (20%/năm) cụ thể:

Nguyễn Thị H cho chị V vay 100.000.000 đồng đã thu lợi bất chính 197.145.205 đồng

Nguyễn Thị H cho chị Đ vay 50.000.000 đồng đã thu lợi bất chính 59.830.137 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Thị H thông qua việc cho chị V và chị Đ vay tiền như trên là 256.975.342 đồng nên hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Bị cáo Nguyễn Thị H thu lợi bất chính với số tiền trên 100.000.000đ nên phải chịu trách nhiệm hình sự với khung hình phạt được quy định tại khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án thuộc trường ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của bị cáo còn mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích háms lợi và thái độ xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần có đường lối xử phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bố chồng được tặng huân chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo ủng hộ tài trợ các hoạt động phòng chống dịch Covid 19 số tiền 10.000.000đ được Ủy ban mặt trận tổ quốc phường Q xác nhận, bị cáo ủng hộ trường cấp 1, trường C2 và khối Á, phường Q ghế đá, ti vi, loa đài, bị cáo có hiến đất mở đường năm 2014, bị cáo được chùa C3 tặng bằng tuyên dương công đức ủng hộ số tiền 20 triệu đồng, bị cáo đã tự nguyện nộp trước tiền truy thu 16.800.000đ là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cũng cần xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; ngoài lần phạm tội này tại địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt các chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân. Bị cáo bị bệnh vừa phẫu thuật kết hợp xương nẹp vít cột sống cổ lối sau. Do đó cần phạt tiền bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm. Mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đã đủ sức răn đe giáo dục bị cáo cũng như đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Đối với ông Hoàng Văn M, chồng của Nguyễn Thị H có nhiều lần nhận tiền lãi cho H, tuy nhiên điều tra xác minh ông M không biết nội dung cụ thể liên quan đến việc cho vay giữa H với người khác nên ông M không phạm tội.

Ngoài ra, vào ngày 23/02/2024 Cơ quan CSĐT Công an thị xã H tiếp nhận đơn tố cáo của ông Hồ Sỹ T1, sinh năm 1963, trú tại thôn G, xã Q, thị xã H, Nghệ An đối với các hành vi của H thông quan khoản vay ngày 30/5/2021 lãi 3%/tháng và hợp đồng vay ngày 31/12/2021 lãi 2.000đồng/ 1 triệu/1 ngày. Tuy nhiên, qua xác minh tại Hợp đồng cầm đồ ngày 30/5/2021 và Hợp đồng cầm đồ ngày 13/12/2021 và khoản vay nóng 100.000.000 đồng mà Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập được thể hiện nội dung Nguyễn Thị H cho ông Hồ Sỹ T1 vay tiền, lãi suất H cho ông T1 vay lần lượt là: 36%/năm, 73%/năm. Mức lãi suất này là chưa vượt gấp 05 lần lãi suất tối đa cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm). Vì vậy hành vi trên của Nguyễn Thị H không cấu thành tội phạm.

[6] Về vật chứng vụ án:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra 5G, màu H2; 01 Hợp đồng cầm cố ngày 13/12/2021; 01 tờ giấy A4; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 819064 mang tên Hồ Sỹ T1 và bà Bùi Thị Đ1; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC634371 mang tên ông Hồ Sỹ T1 và bà Bùi Thị Đ1 thu giữ của Nguyễn Thị H. Qua điều tra, chiếc điện thoại, tài liệu đã thu giữ không liên quan đến vụ án, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã trả lại cho Nguyễn Thị H.

- Đối với tài liệu: 01 hóa đơn thanh toán tiền mặt ngày 10/01/2022, 01 hóa đơn thanh toán tiền mặt ngày 17/02/2022, 01 hợp đồng cầm cố mặt sau nghi nhận 8.000.000 đồng ngày 12/4/2022, 01 hợp đồng cầm cố mặt sau nghi nhận 20.000.000 đồng ngày 13/6/2022, 01 hóa đơn thanh toán tiền mặt ngày 03/12/2022 được thu giữ của chị Lê Thị V, đang được lưu trữ kèm theo hồ sơ. Đây là các tài liệu, chứng cứ nên cần tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

- Đối với tài liệu 01 giấy trả tiền lời ngày 05/02/2024 thu giữ của chị Phan Thị Đ đang được lưu trữ kèm theo hồ sơ. Đây là các tài liệu, chứng cứ nên cần tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

Đối với 02 hợp đồng cầm cố mang tên Lê Thị V, 01 hợp đồng cầm cố mang tên Phan Thị Đ Đây là các tài liệu, chứng cứ nên cần tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

Trả lại cho chị Phan Thị Đ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Thị Đ và Nguyễn Ngọc H1. Trả lại cho chị Lê Thị V 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lương Văn B1, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị V thu giữ của Nguyễn Thị H, đang được lưu trữ kèm theo hồ sơ.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền bị cáo đã tự nguyện nộp trước tiền truy thu là 16.800.000đ theo biên lai thu tiền số 0009160 ngày 22/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai.

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Lê Thị V số tiền 35.945.205đ (Ba mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng).

Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính 37.754.795đ (Ba mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền của bà Lê Thị V tiền gốc chưa trả là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền của bà Phan Thị Đ tiền gốc chưa trả là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H phạt tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Trả lại cho chị Phan Thị Đ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 881781 mang tên Phan Thị Đ và Nguyễn Ngọc H1 có tại hồ sơ vụ án.

Trả lại cho chị Lê Thị V 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 703736 mang tên Lương Văn B1 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất N 703735 mang tên Lê Thị V thu giữ của Nguyễn Thị H có tại hồ sơ vụ án.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền bị cáo đã tự nguyện nộp trước tiền truy thu là 16.800.000đ theo biên lai thu tiền số 0009160 ngày 22/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải trả lại cho bà Lê Thị V số tiền 35.945.205đ (Ba mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng).

Truy thu sung công quỹ nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị H số tiền thu lợi bất chính 37.754.795đ (Ba mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền của bà Lê Thị V tiền gốc chưa trả là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền của bà Phan Thị Đ tiền gốc chưa trả là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T2. Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người liên quan;
- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Sở Tư pháp;
- CA thị xã Hoàng Mai;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP.

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tuấn